TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2025/QĐST - HNGĐ	*Thường Tín, ngày 17 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2025/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trương Văn U**, sinh năm 1994; ĐKNKTT và trú tại: thôn Đ, xã K, huyện T, TP H.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1998; ĐKNKTT và trú tại: thôn Đ, xã K, huyện T, TP H.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2025;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đơng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trương Văn U** và chị **Nguyễn Thị T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đơng sự cụ thể nh sau**:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Văn U** và chị **Nguyễn Thị T** thỏa

thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trương Văn U và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Trương Quốc B, sinh ngày 10/11/2012 và Trương Thị Mai A, sinh ngày 25/12/2014. Ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận giao cháu B và cháu Mai A cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Trương Văn U tự nguyện nộp cả 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng do anh U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín (Biên lai số 0016332 ngày 10/7/2025). Hoàn trả anh U 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục Thi hành án;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí